TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Nụ

- Bà Vũ Thị Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và yêu cầu xác định cha cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐ-ST ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: chị **Nguyễn Thị Minh P** sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB; căn cước công dân số: 027189000*** do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/11/2021.

- ***Bị đơn***: anh **Đoàn Văn N** sinh năm 1985; nơi đăng ký HKTT: thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB; hiện đang lao động tại Đài Loan; căn cước công dân số 034085007*** do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/6/2017.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** anh **Nguyễn Văn C** sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: thôn ĐH, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh TB; căn cước công dân số 034086001261 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/3/2022.

(Chị P, anh C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện VT, tỉnh TB ngày 05/01/2011. Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống tại nhà của bố mẹ anh N ở thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB. Chị và anh N đã có hai con chung là Đoàn Thị MA, sinh ngày 10/02/2012 và Đoàn Thị MB, sinh ngày 23/4/2015 nhưng kể từ năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn do anh N chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần anh N còn đánh đập chị. Cuối năm 2018, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị và hai con vẫn ở cùng bố mẹ đẻ của anh N nhưng giữa chị và mẹ đẻ của anh N đã xảy ra mâu thuẫn do bà nghi ngờ chị có quan hệ ngoài vợ chồng, bà đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã phải để lại hai con ở lại nhà với ông bà để lên thành phố TB thuê trọ và kiếm việc làm; hàng tháng, chị vẫn gửi tiền để ông bà chăm lo cho các con, ngoài ra chị còn đóng tiền học phí và mua quà cho các con. Còn về anh N, thì khi sang Đài Loan, anh N không những không tu chí làm ăn mà còn chơi bời cờ bạc dẫn đến vay nợ 800 triệu đồng; chị đã phải vay 150 triệu đồng để đưa chị gái anh N trả nợ thay anh N nên vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, không còn tình cảm với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N và giao cả hai con chung là MA và MB cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng vì cả hai cháu đều đang ở cùng bố mẹ đẻ của anh N và được ông bà chăm sóc rất chu đáo; chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con theo quy định của pháp luật. Chị không tranh chấp về tài sản với anh N.

Ngoài yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, chị còn yêu cầu Toà án xác định anh Nguyễn Văn C sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐH, xã SH, huyện TT, tỉnh TB là cha đẻ của cháu Nguyễn Xuân P sinh ngày 05/11/2022 vì đầu năm 2022, chị có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn C và đã mang thai, ngày 05/11/2022, chị sinh cháu P.

- Bị đơn anh Đoàn Văn N không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ của anh N là bà Trần Thị S, sinh năm 1963; trú tại thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB, nhưng anh N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn C trình bày: Khoảng đầu năm 2022, anh có quan hệ với chị Nguyễn Thị Minh P, đến ngày 05/11/2022, chị P sinh con trai là cháu Nguyễn Xuân P, anh xác định anh là cha đẻ của cháu P. Đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu P.

- Cháu Đoàn Thị MA và Đoàn Thị MB đều trình bày: Các cháu hiện đang ở cùng ông bà nội và theo học tại trường tiểu học xã MK. Các cháu được ông bà nội

chăm sóc đầy đủ nên đều khỏe mạnh, học tốt. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với bố và ông bà nội, các cháu không muốn chị em phải xa nhau.

- Bà Trần Thị S trình bày: Anh N sang Đài Loan lao động từ năm 2019 và hiện nay anh vẫn đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N tại Đài Loan, hàng ngày anh N vẫn gọi điện thoại qua zalo cho bà, bà đã thông báo cho anh N biết Tòa án nhân dân tỉnh TB thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của chị P. Anh N có nhờ bà truyền đạt ý kiến của anh N đối với yêu cầu khởi kiện của chị P như sau: Anh N đồng ý ly hôn vì chị P đã bỏ nhà đi ngay sau khi anh N đi Đài Loan và đã có quan hệ ngoài vợ chồng với người khác và có con ngoài giá thú. Anh N yêu cầu Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Đoàn Thị MA và Đoàn Thị MB vì anh N và ông bà nội cháu có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu một cách tốt nhất và yêu cầu chị P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh N và chị P không có tài sản chung và nợ chung. Anh N không có ý kiến gì về việc chị P yêu cầu xác định cha cho cháu Nguyễn Xuân PH. Ý kiến của bà là: anh N và chị P đã mâu thuẫn căng thẳng, không thể đoàn tụ được vì chị P đã có con với người khác; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P và anh N ly hôn theo quy định của pháp luật và giao hai con chung là cháu Đoàn Thị MA và Đoàn Thị MB cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng bà, gia đình bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh N nuôi dưỡng hai cháu đảm bảo mọi quyền lợi cho hai cháu. Bà khẳng định, ngoài hai cháu MA và MB thì anh N và chị P không có con chung nào khác. Anh N và chị P không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không cho anh N, chị P vay nợ gì. Anh N ủy quyền cho bà S nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và xin được xét xử vắng mặt. Bà S đồng ý nhận ủy quyền của anh N, đề nghị Tòa án giao văn bản tố tụng cho bà và bà cam kết sẽ thông báo lại cho anh N.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn anh Đoàn Văn N.

+ Về con chung: giao con chung Đoàn Thị MA, sinh ngày 10/02/2012 và Đoàn Thị MB, sinh ngày 23/4/2015 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 con/tháng

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Xác định anh Nguyễn Văn C là cha đẻ của cháu Nguyễn Xuân PH sinh ngày 05/11/2022.

+ Về án phí: chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, miễn án phí yêu cầu xác định cha cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đoàn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P, Hội đồng xét xử thấy, có 2 yêu cầu cần phải xem xét giải quyết trong vụ án là:

+ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

+ Xác định cha cho con.

[2.1] Về yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh P và anh Đoàn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày hôn ngày 05/01/2011, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Lời khai của chị P và lời khai của bà S là mẹ đẻ anh N đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh N đã kéo dài từ nhều năm nay; mặc dù chưa ly hôn với anh N nhưng chị đã sinh con ngoài giá thú; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị P và anh N ly hôn là phù hợp.

Chị P và anh N có 02 con chung là Đoàn Thị MA sinh ngày 10/02/2012 và Đoàn Thị MB sinh ngày 23/4/2015, hiện hai cháu đang ở cùng bố mẹ anh N, các cháu đang ở cùng với ông bà nội và được ông bà chăm sóc rất tốt; nguyện vọng của cả hai cháu là muốn được ở với bố và ông bà nội. Để ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 116

Luật hôn nhân và gia đình, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 con/tháng, kể từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị P và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu xác định cha cho con, thấy:

- Giấy chứng sinh của Bệnh viện Phụ sản AĐ do chị Nguyễn Thị Minh P, thể hiện: chị Nguyễn Thị Minh P sinh con là Nguyễn Xuân PH vào lúc 07 giờ 40 phút ngày 05/11/2022, tại Bệnh viện Phụ sản AĐ.

- Công văn số 732/PA08 ngày 22/8/2023 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh TB cung cấp: từ năm 2019 đến nay, anh Đoàn Văn N xuất nhập cảnh tổng 1 lượt (xuất cảnh ngày 13/01/2019; không có thông tin nhập cảnh)

- Lời khai của anh Nguyễn Văn C đã thừa nhận anh là cha đẻ của cháu Nguyễn Xuân PH;

- Kết quả giải trình tự AND của Viện công nghệ di truyền Medigene kết luận: "Người có mẫu ghi tên Nguyễn Văn C có quan hệ huyết thống cha con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Xuân PH với độ tin cậy 99,9999%".

Các tài liệu, chứng cứ trên đã chứng minh được cháu Nguyễn Xuân PH được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Minh P và anh Đoàn Văn N nhưng không phải là con chung của chị Nguyễn Thị Minh P và anh Đoàn Văn N mà là con chung của chị Nguyễn Thị Minh P và anh Nguyễn Văn C. Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị P, xác định anh Nguyễn Văn C là cha đẻ của cháu Nguyễn Xuân PH.

[2.3] Về án phí: chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được miễn án phí xác định cha cho con vì cháu Nguyễn Xuân PH chưa thành niên.

[2.4] Về chi phí tố tụng: chị P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Minh P ly hôn anh Đoàn Văn N.

2. Giao cho con chung là Đoàn Thị MA, sinh ngày 10/02/2012 và Đoàn Thị MB, sinh ngày 23/4/2015 cho anh Đoàn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đoàn Thị MA sinh ngày 10/02/2012 và Đoàn Thị MB sinh ngày 23/4/2015, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1 con/tháng, tính từ tháng 8/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị P và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Xác định anh Nguyễn Văn C là cha đẻ của cháu Nguyễn Xuân P sinh ngày 05/11/2022.

4. Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ đi 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TB.

Án xử công khai sơ thẩm, chị P và anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TB;
- UBND xã MK, huyện VT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh